TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:26/2025/DS-ST
Ngày 18/11/2025
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Thị Hài và ông Hoàng Quốc Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Giang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 12 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 17/2025/TLST – DS ngày 25 tháng 8 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trọng C, sinh năm 1963
Địa chỉ: Tổ dân phố H, xã P, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1987
Nơi ĐKHKTT: Tổ 5 đường Ngô Quyền, phường A, tỉnh G
Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố F, xã P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Trọng C trình bày:

Vào ngày 26/6/2023, ông Nguyễn Trọng C có cho ông Nguyễn Văn H vay số tiền 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng)* để đáo hạn Ngân hàng (số tiền này ông C tôi vay của người khác rồi cho ông H vay lại) trong 03 đến 05 ngày sẽ trả lại đầy đủ. Vì là chỗ quen biết nên ông C cũng đã nhiều lần vay giúp cho ông H. Lãi suất thỏa thuận miệng là 1.5%/tháng.

Tuy nhiên, lần vay này ông H không thực hiện đúng cam kết, mặc dù ông C đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông H không trả tiền. Do đó, ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Nguyễn Văn H phải trả tiền nợ gốc 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và tiền nợ lãi theo lãi suất 1.5%/tháng tính từ ngày vay là 26/6/2023 đến ngày xét xử. Ông C yêu cầu ông H phải thanh toán ngay tiền nợ gốc và lãi.

2. Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày như sau:

Ông H công nhận hiện nay có nợ của ông Nguyễn Trọng C tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng)* và tiền nợ lãi theo lãi suất 1.5%/tháng tính từ ngày vay là 26/6/2023 đến ngày xét xử.

Về phương án trả nợ: Hiện tại ông H nợ nhiều, không có khả năng trả một lần, ông H xin ông C tạo điều kiện cho trả nợ dần.

3. Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án.

Phần nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm là:

Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được các đương sự công nhận. Đủ cơ sở xác định, giữa ông Nguyễn Trọng C và ông Nguyễn Văn H có tự nguyện thỏa thuận xác lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 26/6/2023, số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là từ 03 đến 05 ngày. Về lãi suất, các bên đều thống nhất lãi suất thỏa thuận 1.5%/tháng tính từ ngày vay (26/6/2023) đến ngày xét xử. Phương án trả nợ của ông H là trả dần nhưng không được ông C đồng ý.

Căn cứ giấy nhận nợ thì đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015 (sau đây gọi tắt là BLDS). Bên vay có nghĩa vụ trả tiền gốc khi đến hạn và toàn bộ tiền lãi theo kỳ hạn. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền nợ gốc và

trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận 1.5%/tháng tương ứng với thời hạn vay đến ngày xét xử là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 277, khoản 3 Điều 228 và các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 351, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng C.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng C số tiền nợ gốc là 200.000.0000 đồng (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi, theo mức lãi suất 1.5%/tháng, tính từ ngày vay là ngày 26/6/2023 đến ngày 18/11/2025 là 200.000.000 đồng x 1.5%/tháng x 876 ngày = 87.600.000 đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và lãi ông Nguyễn Văn H phải trả là 287.600.000 đồng *(hai trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

Về án phí: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS và bị đơn có nơi cư trú tại xã P, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Gia Lai thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo Điều 35 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Tại giai đoạn đưa vụ án ra xét xử, ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi của các đương sự có mặt tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để quyết định. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về tiền nợ gốc: Căn cứ vào chứng cứ là 01 giấy nhận nợ, có nội dung: Ngày 26/6/2023, ông Nguyễn Trọng C đứng mượn hộ cho ông Nguyễn Văn H số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), mục đích để đáo hạn Ngân hàng, thời gian từ 3 đến 5 ngày, lãi suất thỏa thuận miệng là 1.5%/tháng.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định giữa ông Nguyễn Trọng C và ông Nguyễn Văn H có xác lập hợp đồng vay tài sản, tổng số tiền là 200.000.000 đồng. Hợp đồng vay có thời hạn, có lãi suất. Nguyên đơn và bị đơn không phản đối tình tiết này, vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của BLTTDS, HĐXX công nhận tình tiết này là sự thật.

Xét hợp đồng trên là một hợp đồng dân sự được giao kết hợp pháp, nên phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Khi đến thời hạn trả nợ (từ 03 đến 05 ngày) nhưng ông Nguyễn Văn H không thực hiện việc trả nợ tiền cho ông C mặc dù đã thông báo và đến đòi nhiều lần, là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết được quy định tại các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 351, 357 của BLDS. Nên việc khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng C là có căn cứ, cần được chấp nhận. Ông Nguyễn Văn H công nhận có nợ số tiền gốc là 200.000.000 đồng và xin được trả dần đến hết nợ nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Do đó HĐXX không có căn cứ để chấp nhận đề nghị này của bị đơn, nên cần buộc ông Nguyễn Văn H trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng cho ông C.

Về lãi suất: Đây là hợp đồng vay tiền có lãi và có thời hạn, khi đến hạn ông H không trả nợ cho ông C. Cho nên, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự (sau đây viết tắt là BLDS) thì khi đến hạn vay mà bên vay không trả thì phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả. Các đương sự thống nhất được mức lãi suất là 1.5%/tháng, thống nhất được thời gian tính lãi là từ ngày vay (26/6/2023) đến ngày xét xử và mức lãi suất thỏa thuận không vượt quá 20%/năm, phù hợp với các quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận, cụ thể như sau: Tính từ ngày vay là ngày 26/6/2023 đến ngày 18/11/2025 là 200.000.000 đồng x 1.5%/tháng x 876 ngày = 87.600.000 đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và lãi ông Nguyễn Văn H phải trả là 287.600.000 đồng *(hai trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

Từ đánh giá và nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng C, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Trọng C số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng + 87.600.000 đồng = 287.600.000 đồng *(hai trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 351, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 35 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng C.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Trọng C số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng + 87.600.000 đồng tiền lãi = 287.600.000 đồng *(hai trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.Về án phí: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính là: 287.600.000 đồng x 5% = 14.380.000 đồng *(mười bốn triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng)*.

Ông Nguyễn Trọng C được miễn nộp tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/11/2025), bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười*

lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV TAND T. Gia Lai;
- VKSND khu vực 12;
- Các đương sự;
- THADS T.Gia Lai;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Dung